TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/DS-ST
Ngày: 27-6-2022
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất là lối đi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tâm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Cao Hoài Hiêm
2. Ông Bùi Văn Thái

***- Thư ký phiên tòa*:** ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2020 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất là lối đi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà HTM, sinh năm 19..; địa chỉ: 237/1 đường 827, Tổ 8, ấp PH, xã PMH, huyện CC, Thành phố H;

1.2. Bà HTR, sinh năm 19..; địa chỉ: khu phố LT, phường LP, Quận ., Thành phố H;

1.3. Anh LVĐ, sinh năm 19..; địa chỉ: ấp ., xã MTĐ, huyện ĐH, tỉnh LA;

2. Bị đơn: ông HVC, sinh năm 19..; địa chỉ: khu phố AT, phường AT, thị xã TB, tỉnh TN;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà HTN, sinh năm 19..; địa chỉ: khu phố TP, phường AT, thị xã TB, tỉnh TN;

3.2. Bà PTC, sinh năm 1972

3.3. Anh HTN, sinh năm 1991

3.4. Anh HVT, sinh năm 1994

3.5. Chị KTN, sinh năm 1992;

3.6. Chị PCT, sinh năm 2000

Cùng địa chỉ: khu phố AT, phường AT, thị xã TB, tỉnh TN;

Bà M, bà R, anh Đ và ông Ch, bà N có mặt; bà C, anh Ng, anh T, chị N, chị T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà M, bà R, anh Đ trình bày:

Bà M, bà R, anh Đ yêu cầu ông C phải mở lại lối đi chung ra đường công cộng với diện tích ngang 3m x dài khoảng 70m, qua đo đạc thực tế có diện tích 193,6m^2 thuộc thửa số 196, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 2005), tương ứng với các thửa số 528, 535, tờ bản đồ số 01 (bản đồ 299), tứ cận: Bắc giáp đất ông C dài 39,5m + 29,5m + 1,5m (70,5m); Nam giáp đất ông V, bà R, bà M, ông B dài 67,78m; Đông giáp đường đất dài 3m; Tây giáp đất ông C dài 3m, do ông C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02278 QSDĐ/I10 ngày 29-12-1994, tọa lạc tại khu phố An Thới, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Trên đất lối đi cũ ông C có trồng 02 cây tràm vàng, 03 cây cao su và 10 cây cóc ăn lá, bà M, bà R, anh Đ không đồng ý bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho ông C và không đồng ý bồi thường giá trị cây mà ông C đã tự ý trồng trên lối đi cũ, ngoài lối đi này hiện nay không còn lối đi nào khác để đi ra đường công cộng.

Nguồn gốc đất có lối đi tranh chấp là của cha mẹ chung, cụ HVL chết năm 1993 và cụ HTT chết năm 1977 để lại. Sau khi cụ T chết, đến năm 1986 thì cụ L có chia đất cho các con mỗi người một phần gồm: bà M, bà R, bà M mẹ anh Đ, bà N được chia đã chuyển nhượng cho người khác, ông HVX, phần ông X được chia đã chuyển nhượng lại cho bà N, bà M đã chuyển nhượng cho người khác, ông HVC. Sau khi được cụ L chia đất thì bà R, bà M tất cả đều giao cho bà M đứng tên giấy đất ngày 29-12-1994. Đến ngày 30-7-2019 thì bà M có tách giấy chuyển quyền sử dụng đất trả lại cho bà R đứng tên giấy đất ngày 30-7-2019 đối với phần đất diện tích 1.323,2m^2 thuộc thửa số 725, tờ bản đồ số 02; trả lại cho anh Đ con bà M đứng tên giấy đất ngày 30-7-2019 đối với phần đất diện tích 1.288,1m^2 thuộc thửa số 726, tờ bản đồ số 02; phần đất còn lại của bà M có diện tích 6.053m^2 thuộc thửa số 724, 548, 549, 550, tờ bản đồ số 02; phần đất của bà N chuyển nhượng lại của ông X và phần đất của ông C được chia

cũng được cấp giấy đất. Đất tọa lạc tại khu phố An Thới, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Bà M, bà R, anh Đ thống nhất với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02-02-2021 và kết quả định giá tài sản ngày 03-3-2022, không yêu cầu thẩm định giá lại. Ngoài ra, bà M, bà R, anh Đ không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn, ông C trình bày:

Ông không đồng ý theo yêu cầu của các nguyên đơn bà M, bà R, anh Đ mở lại lối đi chung qua đo đạc thực tế có diện tích 193,6m^2 thuộc thửa số 196, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 2005), tương ứng với các thửa số 528, 535, tờ bản đồ số 01 (bản đồ 299), có tứ cận như các nguyên đơn trình bày và ông cũng không đồng ý theo yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N mở lại lối đi chung qua đo đạc thực tế có diện tích 60,7m^2 thuộc thửa số 196, tờ bản đồ số 02 (bản 2005), tương ứng với thửa số 528, tờ bản đồ số 01 (bản đồ 299), có tứ cận như bà N trình bày. Do ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02278 QSDĐ/I10 ngày 29-12-1994, tọa lạc tại khu phố An Thới, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Nguồn gốc đất có các lối đi tranh chấp là của cha mẹ chung là cụ L và cụ T chết để lại, đến năm 1986 lúc cụ L còn sống có chia đất cho các con mỗi người một phần và đã được cấp giấy đất như các nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà N trình bày là đúng. Nhưng lúc cụ L chia đất cho các con, lúc này ông không có mặt do ông đang tham gia nghĩa vụ tại Campuchia, sau đó cụ L giao đất lại cho ông không có dành lối đi chung, nên ông có trồng cây tràm, cao su và cây cóc ăn lá trên đất, hiện nay trên đất không còn lối đi nào khác để đi ra đường công cộng.

Ông thống nhất với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02-02-2021 và kết quả định giá tài sản ngày 03-3-2022, không yêu cầu thẩm định giá lại. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà N trình Bày:

Bà yêu cầu ông C phải mở lại lối đi chung ra đường công cộng với diện tích ngang 3m x dài khoảng 25m, qua đo đạc thực tế có diện tích 60,7m^2 thuộc thửa số 196, tờ bản đồ số 02 (bản 2005), tương ứng với thửa số 528, tờ bản đồ số 01 (bản đồ 299), tứ cận: Bắc giáp đất bà Nhiếm dài 3m; Nam giáp đường đất đang tranh chấp giữa bà M, bà R, anh Đ với ông C dài 3m; Tây giáp đất ông C dài 22m; Đông giáp đất ông H dài 22m, do ông C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02278 QSDĐ/I 10 ngày 29-12-1994, tọa lạc tại khu phố An Thới, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Nguồn gốc đất có lối đi tranh chấp như bà M, bà R, anh Đ trình bày là đúng. Phần đất bà đã chuyển nhượng lại của ông X bà đã được cấp giấy đất ngày 20-12-1994, lúc cụ L chia đất cho ông X vào năm 1986 cũng có dành lối đi chung đi ra đường công cộng. Nay ông C không cho bà đi trên lối đi cũ để đi ra

đường công cộng, ngoài lối đi này không còn lối đi nào khác để đi ra đường công cộng.

Bà thống nhất với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02-02-2021 và kết quả định giá tài sản ngày 03-3-2022, không yêu cầu thẩm định giá lại. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà C, anh N, anh T, chị N, chị T:

Bà C là vợ ông C, anh N, anh T là con ông C và bà C, chị N là vợ anh N, chị T là vợ anh T tất cả hiện đang sống trên đất có tranh chấp về lối đi. Tại các biên bản lấy lời khai của đương sự, tất cả đều trình bày: thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của ông C và không có yêu cầu gì khác, tất cả đều có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 254 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, bà R, anh Đ, tranh chấp quyền sử dụng đất là lối đi đối với ông HVC, bà PTC.

Buộc ông C, bà C phải thu dọn các cây trồng trên đất, mở lại lối đi ngang 3m, dài 70,5m, diện tích 193,6m^2, thửa số 196, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 2005), tọa lạc tại khu phố An Thới, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, tranh chấp quyền sử dụng đất là lối đi đối với ông C, bà C.

Buộc ông ông C, bà C phải mở lại lối đi ngang 3m, dài 25m, diện tích 60,7m^2, thửa số 196, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 2005), tọa lạc tại khu phố An Thới, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Bà M, bà R, anh Đ, bà N không phải thanh toán giá trị đất cho ông ông C, bà C.

Ghi nhận bà M, bà R, anh Đ đồng ý thanh toán giá trị các cây trồng trên đất cho ông C, bà C.

- Về án phí: các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sự có mặt của đương sự: tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C, anh N, anh T, chị N và chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên vụ án được xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà M, bà R, anh Đ yêu cầu bị đơn ông C phải di dời tài sản là cây tràm, cao su, cóc ăn lá để mở lại lối đi chung và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N có yêu cầu độc lập yêu cầu bị đơn ông C phải mở lại lối đi chung. Nên xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp quyền sử dụng đất là lối đi" theo quy định tại Điều 254 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Các nguyên đơn yêu cầu ông C phải di dời tài sản là cây tràm, cao su, cóc ăn lá để mở lại lối đi chung, qua đo đạc thực tế có diện tích 193,6m^2 thuộc thửa 196, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 2005), tương ứng với các thửa số 528, 535, tờ bản đồ số 01 (bản đồ 299), tứ cận: Bắc giáp đất ông C dài 39,5m + 29,5m + 1,5m (70,5m); Nam giáp đất ông V, bà R, bà M, ông H dài 67,78m; Đông giáp đường đất dài 3m; Tây giáp đất ông C dài 3m, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02278 QSDĐ/ I10, do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh cấp cho ông C đứng tên ngày 29-12-1994, tọa lạc tại khu phố An Thới, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, trị giá 150.040.000 đồng (193,6m^2 x 775.000 đồng/m^2); tài sản cây trên đất trị giá 6.200.000 đồng. Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản cây trên đất là 156.240.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà N yêu cầu ông C mở lại lối đi chung, qua đo đạc thực tế có diện tích 60,7m^2 thuộc thửa 196, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 2005), tương ứng với thửa số 528, tờ bản đồ số 01 (bản đồ 299), tứ cận: Bắc giáp đất bà N dài 3m; Nam giáp đường đất đang tranh chấp giữa bà M, bà R, anh Đ với ông C dài 3m; Tây giáp đất ông C dài 22m; Đông giáp đất ông Hi dài 22m, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02278 QSDĐ/ I10, do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh cấp cho ông C đứng tên ngày 29-12-1994, tọa lạc tại khu phố An Thới, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, trị giá 36.420.000 đồng (60,7m^2 x 600.000 đồng/m^2).

[2.3] Nguồn gốc phần đất có các lối đi tranh chấp là của cụ L và cụ T cha mẹ chung của bà M, bà R, bà M (mẹ anh Đ), bà N và ông C chết để lại. Sau khi cụ T chết, đến năm 1986 lúc cụ L còn sống có chia đất cho các con mỗi người một phần gồm: bà M, bà R, bà M (mẹ anh Đ), bà N, ông HVX, bà HTM, phần của bà N và bà M được chia đã chuyển nhượng cho người khác, phần ông X được chia đã chuyển nhượng lại cho bà N. Lúc cụ L chia đất không có mặt ông C và hiện nay các bên đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do nguồn gốc đất chung chủ sở hữu đã được chia thành nhiều phần cho các chủ sở hữu sử dụng khác nhau trong nội bộ gia đình, khi chia phải dành lối đi cần thiết

cho chủ sở hữu phía trong có thỏa thuận về vị trí, giới hạn chiều dài, ngang của lối đi thuận tiện, ít gây phiền hà cho các bên mà không phải bồi thường, theo bà M, bà R, anh Đ và bà N xác định lúc cụ L chia đất cho các con có dành lối đi chung cho người phía trong để đi ra đường công cộng; lối đi chung dành cho bà M, bà R, bà M mẹ anh Đ có diện tích ngang 3m x dài khoảng 70m, khi cụ L chia đất cho các con không có mặt ông C như ông C đã thừa nhận, sau đó ông C được cụ L giao đất và đã tự ý trồng cây trên lối đi chung mà chủ sở hữu sử dụng khác trong gia đình đã dành lối đi chung này, nay ông C không cho bà M, bà R, anh Đ đi trên lối đi cũ để đi ra đường công cộng; lối đi chung dành cho bà N có diện tích ngang 3m x dài khoảng 25m, nay ông C cũng không cho bà N đi trên lối đi cũ để đi ra đường công cộng. Hiện nay ngoài lối đi chung này các bên nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N không còn lối đi nào khác để đi ra đường công cộng cả, nên cần chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn và bà N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là phù hợp theo quy định tại Điều 254 của Bộ luật dân sự.

[2.4] Trong vụ án này, các nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N có yêu cầu độc lập đều yêu cầu ông C phải mở lại lối đi chung đi ra đường công cộng, quyền sử dụng đất có tranh chấp về lối đi do ông C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994, hiện nay ông C và bà C vẫn còn chung sống vợ chồng trên phần đất này, căn cứ Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình, cần buộc ông C và bà C phải mở lại lối đi chung là phù hợp pháp luật.

[2.5] Do mở lại lối đi chung nên người yêu cầu không phải bồi thường giá trị đất, đối với số cây mà ông C trồng trên lối đi cũ theo yêu cầu mở lối đi chung của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa các nguyên đơn bà M, bà R, anh Đ đồng ý bồi thường cho ông C và bà C giá trị 02 cây tràm vàng, 03 cây cao su, 10 cây cóc ăn lá theo kết quả định giá với số tiền là 6.200.000 đồng, trong đó mỗi người đồng ý bồi thường cho ông C và bà C số tiền 2.066.666 đồng (làm tròn số là 2.066.600 đồng), nên cần ghi nhận

Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ, nên chấp nhận.

[2.6] Ông C và bà C phải chịu 4.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản theo quy định tại Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ghi nhận bà N đã nộp 4.000.000 đồng xong. Buộc ông C và bà C phải nộp số tiền 4.000.000 đồng để hoàn trả lại cho bà N.

[2.7] Ông C và bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập được chấp nhận, được tính là 600.000 đồng; bà R, anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền bồi thường cho ông C là 6.200.000 đồng, được tính là 310.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà M là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 165, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 254 của Bộ luật Dân sự; Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà HTM, bà HTR, anh LVĐ đối với ông HVC và bà PTC về "Tranh chấp quyền sử dụng đất là lối đi".

Buộc ông C và bà C phải mở lại lối đi chung diện tích thực tế 193,6m^2 thuộc thửa 196, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 2005), tương ứng với các thửa số 528, 535, tờ bản đồ số 01 (bản đồ 299), tứ cận: Bắc giáp đất ông C dài 39,5m + 29,5m + 1,5m (70,5m); Nam giáp đất ông V, bà R, bà M, ông H dài 67,78m; Đông giáp đường đất dài 3m; Tây giáp đất ông C dài 3m, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02278 QSDĐ/ I10 do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh cấp cho ông C đứng tên ngày 29-12-1994, tọa lạc tại khu phố An Thới, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Buộc ông C và bà C phải chặt bỏ 02 cây tràm vàng, 03 cây cao su và 10 cây cóc ăn lá trên diện tích đất lối đi chung 193,6m^2.

Ghi nhận bà M, bà R, anh Đ đồng ý bồi thường cho ông C và bà C giá trị 02 cây tràm vàng, 03 cây cao su và 10 cây cóc ăn lá số tiền 6.200.000 đồng (sáu triệu hai trăm ngàn đồng). Trong đó bà M, bà R, anh Đ mỗi người đồng ý bồi thường cho ông C và bà C số tiền 2.066.600 đồng (hai triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà HTN đối với ông C và bà C về "Tranh chấp quyền sử dụng đất là lối đi".

Buộc ông C và bà C phải mở lại lối đi chung diện tích thực tế 60,7m^2 thuộc thửa số 196, tờ bản đồ số 02 (bản 2005), tương ứng với thửa số 528, tờ bản đồ số 01 (bản đồ 299), tứ cận: Bắc giáp đất bà N dài 3m; Nam giáp đường đất đang tranh chấp giữa bà M, bà R, anh với ông C dài 3m; Tây giáp đất ông C

dài 22m; Đông giáp đất ông H dài 22m, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02278 QSDĐ/ I10 do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh cấp cho ông C đứng tên ngày 29-12-1994, tọa lạc tại khu phố An Thới, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Kiến nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh diện tích đất 193,6m^2 và diện tích đất 60,7m^2 thuộc thửa số 196, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 2005), trong đó diện tích đất 193,6m^2 tương ứng với một phần các thửa số 528, 535, diện tích đất 60,7m^2 tương ứng với một phần thửa số 528, tờ bản đồ số 01 (bản đồ 299) ra khỏi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02278 QSDĐ/I10 do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh cấp cho ông C đứng tên ngày 29-12-1994, tọa lạc tại khu phố An Thới, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

3. Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: ông C và bà C phải chịu 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Ghi nhận bà N đã nộp số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) xong. Buộc ông C và bà C phải nộp số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) để hoàn trả lại cho bà N.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: ông C và bà C phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng); bà M được miễn tiền án phí, bà R và anh Đ phải chịu 310.000 đồng (ba trăm mười ngàn đồng). Ghi nhận bà R đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018474 ngày 21-8-2020 và anh Đ đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018473 ngày 21-8-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, được khấu trừ của bà R và anh Đ mỗi người 155.000 đồng (một trăm năm mươi lăm ngàn đồng). Hoàn trả lại cho bà R và anh Đ mỗi người 145.000 đồng (một trăm bốn mươi lăm ngàn đồng). Hoàn trả lại cho bà N số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015123 ngày 04-02-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (phường) và nơi cư trú.

***Nơi nhận**:*
- Vụ GĐKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Phòng KT nghiệp vụ TAND tỉnh;
- VKSND Tx. Trảng Bàng;
- VKSND tỉnh:
- Chi cục THADS Tx. Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN VĂN TÂM